

VAN-HOC

Hebdomadaire d'information, d'opinion et vulgarisation
littéraire et artistique paraissant le Samedi

Glá báo : 1 năm : 2\$ — nửa năm : 1\$ ***** Tòa báo : 193, phố hàng Bông, Hanoi

DƯ - LUẬN

CÁI SÀU CỦA « THƠ »

Xem kỳ này

Dư luận

Cái sâu của « thơ »

NGUYỄN-QUANG-LỤC

Dịch Pháp văn

Les croyances religieuses des
premiers hommes

Các điều tin ngưỡng của người
đời thượng-cổ

Hải Lượng

Bình luận

Sau khi đọc bài phong trào thơ mới
HOÀNG-ĐUY-TỪ

Phê Bình

Cuốn « Lời hoa »

KIM-PHƯỢNG

Thi thoại

Thi-sỹ với mùa thu

ĐÀI-NAM

Truyện lý thú trên đàn văn

Văn này phải có thơ ấy

ĐÀI-NAM

Du ký

Bước đường đi Mỹ IV

PHẠM CHÂN HƯNG

Dịch Hán Văn

Chức cầm hời văn

PHẠM-VĂN-NGHỊ

Tin tức

Văn thơ v., v...

Bấy lâu nay, nhiều người bình luận về thơ, thường hay công kích lối thơ sâu, cho là một thứ thuốc độc dìm đắm người ta vào cõi mộng. Theo ý họ thì đời này là đời cạnh tranh, đời vụ thực, thơ cũng phải theo thời nghĩa là phải có vẻ lạc quan, hữu ích cho sự thực dụng.

Nói thế, tôi e không khỏi có thiên, đứng riêng về một phương diện, khuôn phép thơ vào một phạm vi quá hẹp hòi. Cứ son mắt mỹ-thuật nom ra thì thơ có nhiều lối như lối điệu - dã (poésie pastorale) lối khuyến giới (poésie didactique) lối kịch bản (poésie dramatique) lối xướng ca (poésie lyrique) v. v. mà trong lối sau cùng này có một lối làm cho người ta phải gặt sâu rơi lệ.

Vậy thì thơ chẳng có chỗ đáng sâu mà sâu ư? Xin các nhà công kích chớ nên quá nghiêm khắc, kéo nữa cánh làng thơ họ lại cười cho như ông Voltaire cười nhạo ông J. J. Rousseau và ông Montesquieu là người không biết thưởng thức cái đẹp

Cái đẹp của thơ chính một phần to ở trong cái sâu vậy. Cái sâu của thơ uyên - nguyên ở trời đất. Văn chương của trời đất là gió mây sấm chớp, điều thú, còn trùng, vậy mà trước cảnh thiên nhiên ấy ta thấy cái trạng thái nó thế nào? Ngừng trên câu hỏi ta không thể không chịu cu Nguyễn-Du là người có con mắt lọc lối đã hạ câu:

Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu !

Giời đất cũng có cảnh sầu ! thật vậy. Khi ta đứng trước một ngọn núi cao xanh, hay ta bơi thuyền trên một dòng sông nước chảy, ta không thể sao mở miệng ra cười ha hả được. Bấy giờ ta chỉ thấy một thứ gì thiêng liêng bát ngát nó xúc động tấm lòng ta khiến cho tính tình ta phải ngậm ngùi cảm khái. Hoặc khi ta nghe tiếng hươu kêu, dễ khóc, trong lòng ta cũng thấy tí tách giọt sầu.

Cảnh giời đất đã là một giọt nước mắt, một tiếng thở dài thì cảnh nhân sinh cũng không phải toàn là lạc quan cả. Sống trên đời có nhiều cái làm cho ta phớn phở tấm lòng, nhưng lại chẳng có biết bao cái làm cho ta rơi sa giòng lệ. Ta đừng công kích thơ sầu mà ! Nếu chẳng có thơ sầu thì ta làm thế nào mà khóc một cách thiết tha và có ý nghĩa, một người bạn thân ta thế, một người vợ hiền từ trần, hay một đứa con ta nó tự bẻ mất cái hoa hy vọng nửa chừng ?

* * *

Thơ sầu ! nếu ta công kích thơ sầu, thì bao nhiêu thi ca của thế kỷ thứ 19 đều nên hủy hết. Đường-thi ta cũng không nên đọc nữa.

Ông Lamartine làm sao mà người ta lại khen là người có cái « cảm giác của nhà thi sĩ » (la sensibilité du poète). Chính ông V. Hugo năm hai mươi tuổi đã viết thơ ca tụng ông. Ông được tiếng cũng vì ông làm thơ sầu đó thôi ; cái sầu đối với cô Elvire, cô Graziella, cô thiếu nữ Hồng-mao là vợ ông. Ta thử đọc hết bài 1er Regret, ta không khỏi thấy mắt ta rung rung giọt lệ. Ta đọc xong bài Le Lac, ta cũng thấy lai láng mạch lòng...

Đến như Musset thì cũng không khỏi đa sầu. Cả toàn tập thơ của ông có thể tóm lại là một tiếng kêu ca, thú tội rất cảm động của trái tim đa tình. Thơ của Vigny mới lại càng sầu lắm. Ông này thực đã đứng riêng về mặt bi - quan chủ nghĩa (pessimisme), ông cho đời là ngu dốt, độc ác, điên dồ không biết thương xót, cho nên muốn ra người, phải là một người giàu cảm ịnh.

Ấy đại khái các nhà thi-sĩ phái lãng mạn đều mang một khối sầu như thế, mỗi người có một cái sầu riêng. Vậy mà người tây lại cho là bức thi bá đối với các phái khác như phái cổ-diễn (classique) và phái tượng trưng (symbolique) —

Ở bên Tây trở lại bên Đông thì thấy Đường-thi cũng là tiêu biểu cái áng thi ca thịnh vượng của một đời trong văn học sử nước Tàu. Mà cái phong vị Đường-thi phần nhiều cũng như thơ phái lãng mạn, nghĩa là tình tứ âm điệu nó nghe cũng « sầu sầu » như thế. Ông Lý - Bạch, ông Vương-Bột chẳng qua là những ông Lamartine, V. Hugo phương Đông đó thôi.

Ta đọc xuất mấy quyển Đường-thi không khỏi thấy cảm tình chan chứa.

Đọc câu :

« HỌA ĐỒNG CHIÊU PHI NAM PHỒ VÂN,
« CHÂU LIÊM MỘ QUYỂN TÂY SƠN VŨ ».

Dịch là :

*Bến Sỏi mây mai bay cột vè,
Non tây mưa tối cuốn rèm châu.*

thì thấy lòng hoài - cổ lai láng biết bao !

Câu :

« VẠN LÝ BI THU THƯỜNG TÁC KHÁCH,
« BÁCH NIÊN ĐA BỆNH ĐỘC ĐĂNG ĐÀI.

Dịch là :

*Muôn dặm nghìn thu đau đón khách,
Trăm năm thêm bệnh thần thờ đài.*

thì cũng là một giọng thơ bi cảm của người viễn khách tự thương cái thân thể phong trần. Lại còn biết bao bài ta đọc đến mà không cảm được mạch lòng bi - cảm.

. . .

Nói tóm lại thơ sầu đã như một thứ bùa mê chiếm ba phần tư tâm-hồn các nhà thi-sĩ. Dù ta công kích thế nào chẳng nữa, người làm thơ cũng ít người khỏi sầu. Vì sầu do cảm tình mà ra, mà các nhà thi - sĩ phần nhiều là người đa tình đa cảm. Có một điều cốt-yếu ta nên chú ý là thơ phải có « Tinh thần khí cốt ». Thơ có tinh thần khí cốt cũng như nhà có cột nhà. Dù ta đau đớn sầu não tới bực nào cũng phải có vẻ trượng-phu. Thơ sầu mà sầu lão-luột như tiếng khóc than của người con gái ốm yếu là lối thơ rất có kỵ trong nghề thơ. Ông Vigny có nói : « Gémir, pleurer, prier est également lâche » (rên-rĩ, khóc lóc, van lơn, đều là dốt cả). Các nhà thi sầu nên ngẫm nghĩ.

NGUYỄN-QUANG-LỤC

VAN THO

THƠ VẮN CỔ

CẢNH BUỒN

(TƯƠNG-AN-VƯƠNG)

Bên cảnh bên tình khéo vẫn vương,
Sầu thu đưa hạ chạnh trăm đường.
Tiếng ve dài dặc nghe thêm thảm,
Mặt nguyệt tròn hiu ngó dễ thương.
Vàng thếp giếng ngô sa lá gió,
Bạc suy dạn cúc nảy chồi sương.
Dầu trong trắng đĩa chưa an giấc,
Lắm phá thành sầu đã hết phương.

... THỨC-ĐOẠN sao lục

Văn - tế con chuột sập bẫy chết

CỦA ÔNG CỬ HUỲNH-BÁ-VĂN

TIÊU DẪN. — Ông Cử Văn người làng Thanh Danh, tổng An Ngãi, phủ An Nhơn, tỉnh Bình Định, con cụ Huỳnh Lý, cử nhân, làm Biên-tu Nội-Các : Ông Văn lúc 16 tuổi vào học sinh, lúc 18 tuổi đậu Tú tài [khoa Quý-Mão], lúc 21 tuổi đậu cử nhân (khoa Bính Ngọ), đi thi hội hai khoa, có tam trường phân số ; sau về nhà làm thuốc. Lúc chết 49 tuổi.

Ông là người lão luyện văn nông, xin lục dưới đây bài văn nông này của ông, để hiển chư đọc giả.

HỒI-CHỈ (Dégi)

X

Hồi ôi ! Trời hóa cánh trùng (1), đất dời ngôi Tý ; những ước lột da (2) mấy lớp, bồ lúa nằm khoanh ; hiểm vì sái bước một phen, ống tre vắng chạy. Nhớ linh xưa : mắt tỏ lâu lâu, da đen trầy trầy ; lúc ngúc những xù, những xạ, tuy khác hình hài ; nhọn nhàng răng lắc, răng sành (3), vẫn trong nòi nầy. Mở mặt cũng râu mày với thể, xoi thêm khoét lăm lăm lòng tham ; mập mình nhờ máu mỡ nhà dấn, núp kín leo cao nhiều chước quỷ. Ưc chi đó phòng gây sự kiện, lảng nhăng vì chữ vô-nha (4) lớn

1) -- Tùng tỷ thử can tùy thiên phú dự = cánh trùng gan chuột nhờ trời, Cũng toan mà chịu với đời cho qua.

2) — Lột da sống đời.

3) — Chuột xù, chuột xạ, chuột lắt, chuột sành,

4) — Kinh thi nói : Thù vị thử vô nha hà dĩ tiên ngã ốe, nghĩa là ai bảo rằng chuột không răng sao lại xoi lảng nhà ấ.

chừng mô mà phải kêu ông, kiêng nề vì câu hữu xỉ (1). Thương hại lúc mèo mong cắn cỏ, ngồi lôm xôm bao xiết hải hùng; nảo nong thay khi quan sức nạp đuôi (2), trốn lăm lặc cùng nhau lúc hý. Những tưởng sa vào chum nếp, no đã rút niền; nào hay chui xả bầy chùa, kẹt đà chết dẫy.

Ôi thôi thôi ! lằm lể (3) chừng mô, rủi ro
chừng nấy ; hay là gái mười ba (4) cuu oán,
săm chà-vi (5) rình rập đã lâu ngày ; hay là nợ
chín chục (6) còn nhiều, nạp lòng vít đèn
bồi trong một mảy.

Còn chi nữa, trong rừng chút chút (7), buồn là buồn chim xạ nhất reo ; còn chi mà, dưới ngọc rung rinh, thăm là thăm hình dơi luống thấy. Ruồi bu kiến đổ, thương cho mà biết sao cho ; thỏ chết cáo rầu (8), thấy vậy thôi cam chịu vậy.

Thương thay, xin hưởng.

HỒI-LH1 sao lục



THƠ VĂN KIM

VINH ÁO TÔI

Ai ơi, muốn chánh khỏi cửa giới (9),
 Chẳng tiện chi bằng bác áo tôi.
 Kết hợp lá rừng thành một túi,
 Che chùm phận mỏng biết bao người.
 Đương khi hạn hán ai tri kỷ,
 Đến lúc vùn lòi mới tỏ tài (10).
 Chu tử nên cười đồ gấm vóc,
 Sao bằng tôi có ích cho đời.

• • •

1) - Tương thử hữu xỉ nghĩa là xem giống chuột có răng.

2) — Thường lệ quan sức nạp đuôi chuột, có ý bảo ân phải bắt trừ giống chuột.

3) — Có câu tục : lấm lặc như chuột lặt lông l . . .

4 - Cái vạt đan bằng tre, để bắt chuột.

5) — Đồ bắt chuột.

6) — Chuột kêu tý tọc, người ta lại thường gọi là chích chuc. (tiếng chuột lớn kêu).

7) — Câu ca dao = Chuột kêu chít chít trong rương,
anh đi cho khéo đừng giương mệ hay.

82) — Thỏ tử hờ bi, ái kỳ đồng loại = con thỏ chết mà con chồn buồn, là thương vì cùng đồng loài thú vậy.

9) Tục ngữ : « Nước mưa là cửa giới ».

10) Kinh dịch có câu rằng: «Vân lô chuân, quân tử dĩ kinh luân» nghĩa là: «Quốc gia gặp bước gian truân như là lúc mây sấm tối tăm, quân-tử nhân khi bấy giờ mới ra tài kinh luân thiên hạ».

VỊNH NGUYỆT NGÀ

Rõ trong như ngọc, trắng như ngà (1),
 Đẹp dễ ai bằng ả Nguyệt-Nga ?
 Cung thủy tôn-nghiêm ngôi Mẫu hậu (2),
 Xiêm nghề choáng lộn bóng sơn hà (3).
 Mặc ai bốn thỏ bên canh quế (4),
 Thấy kẻ chần trâu dưới gốc đa (5).
 Tuổi-nguyệt dấu lâu lòng chẳng đổi,
 Trinh tâm chỉ một cụ giảng già (6).

...

BỐ CÁI ĐẠI VƯƠNG

Yêu đương nòi giống, giữ sơn hà,
 Ông thực là ông bố cái nhà.
 Thân nhọc vì dân lòng vì nước,
 Công cao như mẹ đức như cha.
 Phục nhân há ở uy trâu hổ (7),
 Ái tử so chi loại vịt gà (8).
 Bố-Cái ấy, thêm Con Cái ấy,
 Những đồ phi chủng-dám khinh ta (9).

VĂN TRAI NGUYỄN-TẢO

...

ĐÁNH THỨC CON

Con ơi, thức dậy đi thôi,
 Ngủ chi ngủ mãi mẹ thời không ưa.
 Những người ngủ sớm dậy trưa,
 Là phường biếng nhác ai ưa được nào.
 Vòng đông bóng ác đã cao,
 Trong làng rộn - rịp xôn-xao tiếng người.

- 1) Tục ngữ có câu : « Trong như ngọc, trắng như ngà.
- 2) Sách Đạo-thư có chép rằng : « Nguyệt là hoàng hậu tinh quân » ; hoàng hậu ở cung thủy tinh.
- 3) Xưa vua Đường-minh-Hoàng lên chơi nguyệt điện thấy tiên nữ vận nghề thường hát múa.
- 4) Ngọc thỏ và quế ở trong cung nguyệt.
- 5) Ca-dao ta : « Thằng cuội ngồi gốc cây đa, cho trâu ăn lúa gọi cha ối ối ».
- 6) Cổ thi có câu rằng : « Nhất luân quế nguyệt sơn hà ảnh ».
- 7) Ông Phùng-Hưng sức hay đâm trâu bắt hổ.
- 8) Tục ngữ rằng : « Mẹ gà con vịt, ví cũng như quan Tâu với dân ta ».
- 9) Hán thư có chữ rằng : « Phi kỳ chủng giả sự nhi khứ chi » nghĩa là : « Kẻ không phải giống, thì bừa mà bỏ đi ».

Rủ nhau tấp nập vui cười,
 Kể ra đồng áng, người thời đi buôn.
 Học trò đọc sách luôn mồm,
 Đầu canh lên tiếng chim khôn gọi đàn.
 Sao con còn cứ nằm gan,
 Chùm chần ngủ kỹ trong màn mãi ru ?
 Con người như thế là hư,
 Uổng công cha mẹ, đại ngu xuất đời.
 Công thầy dạy - đỗ mấy mươi,
 Sao con không liệu để người cười cho.
 Việc nhà việc nước ai lo,
 Mau mau thức dậy tính cho vẹn toàn.
 Đã sinh trong cõi trần - hoàn,
 Làm người ta phải lo toan thế nào ?
 Sao cho đáng mặt anh - hào,
 Gần xa nức tiếng mới cao phẩm người.
 Nhủ con có bấy nhiêu lời,
 Con mà nghe mẹ con thời dậy đi.

...

MỪNG BẠN CŨ KHOA SẮC
VÀ CƯỚI VỢ CHO CON

Mẫu

Ngắm xem hoạn-bộ cổ nhân,
 Lòng riêng riêng những mừng thầm cho ai.
 Ân - mông cứu - phẩm văn - giai,
 Giữa đình chiếu dọc nào ai dám bì ?

Nói

Chốn hương-thôn đường đường ông tiên chỉ,
 Vẻ - vang thay ! thật phải chí nhà nho ;
 Biết bao nhiêu là bạn ông đồ,
 Đã mấy cụ được danh to hơn cụ nhĩ ?
 Nhà giáo lại kiêm tài chính-trị (1),
 Ông đồ gồm đủ lối văn - chương (2).
 Phỏng nước nhà còn có thi-hương,
 Bạn hồ dễ đã nhường ai trên kim-bảng.
 Sẵn bầu rượu túi thơ lai - láng,
 Đặt tiệc mừng ăn uống vui thay !
 Cưới con khao sắc một ngày.

Thiện-Dân NGUYỄN-ĐỨC-BẢO

- 1) Ông bạn tôi khi còn dạy học với tôi một trường thường vẫn can thiệp đến việc dân việc làng, nên đã nổi tiếng trong huyện là có tài chính-trị.
- 2) Ông bạn tôi hiện đương làm tổng-sư, hán-văn hay, văn nôm có biệt tài, pháp-văn cũng am hiểu đôi chút, xưa có theo học tại ban cự sự-phạm Hanoi.

Sau khi đọc bài « Phong trào thơ mới » . . .

Đọc bài Phong-trào thơ mới của ông Lưu-trọng-Lư (T.T.T.B. số 27) tôi không khỏi có một ít cảm tưởng. Ông Lư tán-dương « thơ mới », ông dẫn lời văn sĩ Lanson « A des états d'âme nouveaux, des genres nouveaux » để kết luận rằng « thơ mới » rất thích hợp với thời đại bây giờ. Ông Lư nói rất phải, phong trào « thơ mới » phát hiện ra trong văn học ta là lẽ tất nhiên. Cũng như mọi vật, văn chương phải theo ảnh hưởng của thời đại. Song tưởng như ông Lư quá ham chuộng « thơ mới » nên quên rằng « thơ cổ » ta cũng phong phú lắm.

Ông nói rằng: « Các cụ ta xưa sống trong một cuộc đời giản dị, êm-đềm, sinh hoạt dễ dàng, tiếp xúc ít ỏi, cho nên tâm hồn các cụ cũng đơn sơ, nghèo nàn, phẳng lặng, khô khan như cái cuộc đời của các cụ ». Chẳng biết ông Lư bằng vào đâu mà nói vậy, có lẽ là do cái ức đoán của ông mà ra, hay là ông quên xem lại những áng văn thơ tuyệt-tác của các cụ. Theo ý tôi thì thơ các cụ xưa chẳng những hay về văn thể mà cũng hay cả về ý tứ. Ngoài cái tài điêu luyện, các cụ lại khéo tóm thâu cả quang cảnh, cả tình cảm vào trong 56 chữ. Chỉ trong 14 chữ :

« Buổi sớm gió tuôn, trưa nắng giải,
« Ban chiều mây hợp, tối trăng chơi.

Cụ Yên-Đỗ tả cảnh « Chợ Trời » từ lúc mới rạng đông cho đến khi trăng lên ; khắc nào cảnh nấy, đã tự nhiên lại thiết thực, đọc lên ta cảm thấy cái cảnh vắng vẻ thanh khiết một nơi danh thắng. Đến như hai câu của Hồ-xuân-Hương :

« Bể ái nghìn trùng khôn tát cạn,
« Nguồn ân trăm trượng dễ khơi vơi.

thì ngu biết bao nhiêu tình cảm. Còn như câu thơ của đức Dục-Tôn khóc Bằng-Phi :

« Đập cổ kính ra tìm lấy bóng,
« Xếp tàn y lại để dành hơi.

thì ý tứ dồi dào, mới mẻ, tưởng những nhà thi-sĩ Âu-Châu cũng khó thể tìm ra được. Lamartine, Alfred de Musset khóc người yêu phải kéo đến mấy chục hàng mới tả được nỗi lòng, đây ngài chỉ tả hai cái cử chỉ : đập gương xưa,

xếp áo cũ để tìm bóng dành hơi đủ tỏ cái lòng yêu đương của ngài nó nồng nàn biết bao. Thật tâm hồn các cụ không những không « đơn sơ, nghèo nàn, phẳng lặng, khô khan » mà lại phong phú lắm.

Ông Lư lại nói rằng các cụ ở trong vòng cương tỏa chỉ biết ca tụng kẻ quyền thế, ca tụng công danh sự nghiệp của người và của mình ; còn như mấy nhà nho lỡ vận thì chỉ biết dốc bầu rượu dưới bóng trăng trong mà ngâm câu sáo: « Chiếu hoa tàn, bóng mây qua, đời là bể khổ... » Tôi xin dẫn ít câu để chứng rằng các cụ xưa có lắm người lỗi lạc có nhiều lý-tưởng cao siêu. Cụ Nguyễn-bình-Khiêm là kẻ đặc thời mà nào cụ có dùng thi văn để ca tụng công danh, kẻ quyền thế.

Ba quyền đồ thư thu nặng túi,
Một thuyền phong nguyệt chở đầy then.

Thớt có tanh tao ruồi đổ đến,
Gang không mật mồi kiến bò chi.

Gươm trời nở để tay phàm tuốt,
Bùa nguyệt chi cho đũa tục mài.

mấy câu ấy đủ tỏ rằng thi văn xưa không chỉ theo một lối. Các cụ cũng thường dùng để miêu tả cái thời đời đơn bạc, cái tính cách cao thượng... Kẻ thất thời lỡ vận như ông Trần-khánh-Dur nào có than « hoa tàn, mây qua, đời là bể khổ » đâu, lại khẳng khái mà ngâm những câu :

« Ở với lửa hương cho trọn kiếp,
« Thủ xem sắt đá có bền gan.

Ông nói các cụ có cái lối đối đáp rất buồn cười, nghĩa là hề thấy « con chó đi ra » thì phải nghĩ đến « con mèo chạy vô » dẫu lúc bấy giờ trước mắt thấy chiếc lá rụng. Thật ra các nhà thi-hào xưa đối đáp rất chính mà nào có nhớ những đến thế. Cái đặc sắc văn ta và văn Tàu chỉ ở trong lối đó, mà cũng chính nhờ lối ấy mà văn ta có những câu tuyệt bút :

« Xanh um cỏ thụ tròn xoe tán,
« Trắng xóa tràng giang phẳng lặng tờ.

« Ngoài bề láng lai con sóng vỗ,

« Trong mây thấp thoáng tiếng chuông kêu.

« Phàm cái gì mà lặp đi lặp lại hai ba lần là thành « máy móc » mất hẳn sự thành thực, sự sống, là vô hồn. Vậy ta phải đi tìm những tình cảm mới mẻ ». Vàng, lời ông rất đúng, song tình cảm của ta bao giờ cũng ở trong « thất-tình », dù đời xưa hay đời nay cũng vậy. Trước ta mấy ngàn năm, các nhà đại văn hào Hi-lạp, La-mã đã có cái tình cảm như ta bây giờ, mà lại còn thanh khiết cao siêu hơn nữa. Và lại tư tưởng của ta phần nhiều giống nhau, chính các nhà thi sĩ trứ danh Pháp cũng không tránh khỏi. Vào khoảng năm 1780 thi-sĩ Gilbert có câu:

« Au banquet de la vie, infortuné convive,

« J'apparus un jour, et je meurs.

Cuối thế kỷ XVIII, André-Chénier viết:

« Au banquet de la vie à peine commencé,

« Un instant seulement mes lèvres sont pressé,

« La coupe en mes mains encore pleine.

Đến sau Victor Hugo còn lặp lại:

Autour du grand banquet, siège une foule avide...

Mà chính ông Lur là người đã bài bác cái lối đó cũng có khối đi trên con đường mòn của các bậc tiên tiến đâu. Ông chê bài « Đèo Ngang »

thiếu vẻ tự nhiên thì trong bài « quan niệm về thơ của người ta người Tàu », Thượng-Chi tiên sanh đã có nói: « Rằng hay thì thực là hay, nhưng hay quá, khéo quá, phần nhân công nhiều mà vẻ tự nhiên ít, quả là một bức tranh cảnh vậy » (*Nam-phong tạp-chí* số 5),

Lập một nền văn-học hẳn hoi, bỏ những điển tích mơ hồ, những đều sáo hủ để văn-chương nước nhà đặng khởi sắc thì thật nên, ai có chút nhiệt tâm với quốc văn lại không tán đồng ý kiến ấy. Nhưng nói rằng thi văn xưa là một lối văn đề « thù tạc », đề « ca tụng » thì quá đáng. Chúng ta bây giờ không đặng nhân rồi như các cụ xưa mà « rung đùi nặn vần », diễn cái lối « thôi xao » ấy được, thì cũng nên tìm một cái văn thể mới để tiện phổ diễn tâm tình. Song tôi thiết tưởng rằng các lối thơ cũ của mình cũng là hoàn bị lắm. Mỗi bài thơ là mỗi điệu âm nhạc đọc lên nghe du dương êm ái. Vậy tôi xin cùng thi-sĩ André Chénier mà kết luận:

« Với những tư tưởng mới, hãy làm những câu thơ cổ ».

« Sur des penses nouveaux, faisons des vers antiques ».

HOÀNG-DZUY-TỪ

MỜI XUẤT BẢN

82 bài luận quốc-văn

CỦA GIÁO-HỌC NGUYỄN-ĐỨC-BẢO

soạn theo chương trình mới

để dùng cho học trò lớp Trung - Đẳng
và Cao - đẳng các trường Pháp - Việt

Có 4 mục: tả chân, thuật truyện, thư từ và luận thuyết. Mỗi bài tập có lời dẫn và dàn bài cần thận, rất tốt và rất có ýh.

Sách dày gần 90 trang — Giá bán 0\$30. Cước 0\$06
Gửi bằng timbres - postes (cò) cũng được cho:
Đông-Tây Ấn-quán, 193, phố hàng Bông — Hanoi

Các ông Giáo mua từ 10 quyển trở lên biếu thêm 1 quyển và cước phí về Đông-Tây Ấn-quán chịu

MỘT QUYỀN SÁCH
RẤT CẦN, NHÀ
NÀO CŨNG
PHẢI CÓ

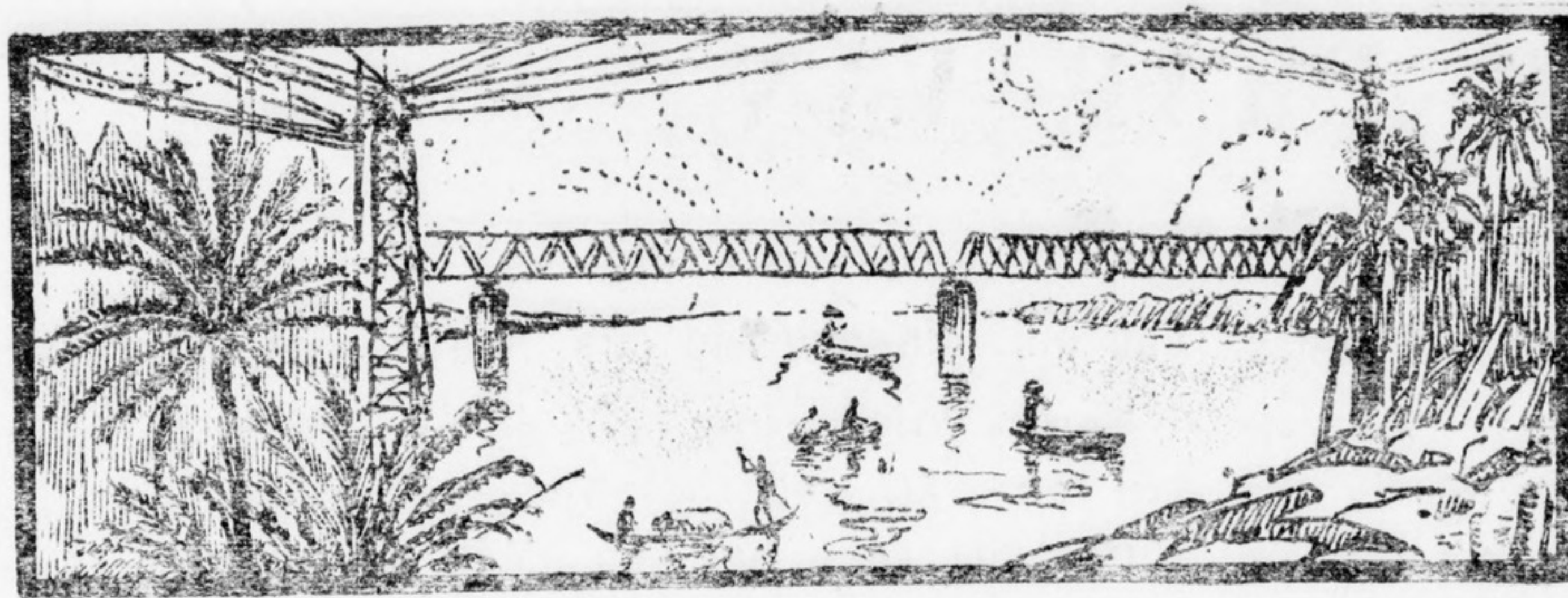
Cử-nhân DƯƠNG-BÁ-TRẠC
soạn. Có cả các bài văn
khẩn và khoản thức biền
gia phả. Lại có in sẵn
nhiều trang để người nào
có quyền này chỉ việc điền
gia phả của nhà mình
vào. dày gần 60 trang
Giá 0\$15 — cước 0\$03.



GIA LỄ
GIẢN
YẾU

要簡禮家

Gửi cho Đông-Tây ấn-quán, 193, phố hàng Bông, Hanoi



TIN TUC THE GIOI VA VIEC TRONG NUOC

Người Nhật quyết kể di dân đến miền Đông Bắc nước Tàu

Người Nhật gom vốn ba ngàn muôn đồng để thiết lập di-dân hội-xã. Công ty thiết lộ Mãn châu và chánh phủ Mãn châu xuất ra ba trăm muôn, mua đất tại miền hạ du sông Tùng-hoa định qua mùa xuân năm tới đây thực hành dời dân Nhật bản và dân Triều-tiên qua miền Đông-bắc nước Tàu. Lại nghị định kể tục dự toán kinh-phí tới năm ngàn muôn đồng để hoàn thành cuộc dời nông dân Triều tiên qua Bắc mãn và dự định trong mười năm cho được số di dân hai chục muôn. Nếu nước Tàu không mau thu phục được cõi Đông-bắc, thì sau đây mười năm sẽ hoàn toàn hóa làm giống Nhật.

Tại Nam-kinh thi hành việc cấm yên rút ngặt

Theo nghiêm lệnh của quân sự ủy viên Tưởng-giới-Thạch, hội cấm yên ở Nam-kinh thi hành rút nghiêm ngặt. Có đặt ra tòa án riêng và y viện riêng để xử tội và chữa cho những người cố phạm. Hằng ngày lính cảnh sát chia đi tìm sục các nơi bắt được rút nhiều người giải về, bất cứ người nào đều phải phạt 6 tháng tù, có nhiều người nghiện nặng chịu không nổi

chỉ một hai ngày bị chết ở trong ngục. Con giai Bách-văn-Uất là một vị trung ương ủy-viên rất có thế lực, phạm cấm cũng bị bắt giam.

Hãng Citroën xin thanh khoản (Liquidation judiciaire)

Hãng làm ô-tô Citroën sở chế tạo nhón lăm ở Pháp hôm vừa rồi vì nạn kinh tế khủng hoảng nên đã đem trình sổ sách của hãng để xin thanh khoản trước pháp-luật (liquidation judiciaire) Nghe nói số nợ tới 137 triệu.

Quan Toàn-Quyền định bãi trường Cao-đẳng Canh-nông và Thú y

Cứ theo bài diễn văn của quan Toàn - quyền đọc tại hội đồng chính phủ họp ở Saigon mới đây thì ngài định bãi bớt nhiều trường Cao-đẳng ở Hanoi chỉ để lại hai trường Thuốc và Luật mà thôi.

Nghe đâu sự bãi bớt các trường Cao-đẳng là vì hiện thời thừa người dùng mà thiếu chỗ làm. Quan Toàn - quyền lại định sẽ gắng sức làm cho hai trường Thuốc và Luật trở nên một cao đẳng học đường đứng đắn.

Đế-thiên Đế-thích đã thành ra một công-viên

Quan Toàn-quyền đã ký nghị

định đặt các đền chùa cổ-tích ở Đế-thiên Đế-thích thuộc tỉnh Siem-rap (Cao-mên) vào một khu tên đặt là « Công-viên Angkor » Trường Bác-cổ Viễn-đông coi giữ công việc bảo tồn và canh gác các nơi cổ tích này. Trừ những người trong địa phận công-viên thì không kể còn khách du lịch ở ngoài đến thăm đều phải nộp tiền.

Riêm sẽ lại bán một xu một bao như trước

Trước kia riêm phải bán một xu rưỡi một bao là vì thuế hiện thời mỗi bao là 0\$0065, nay chính phủ định hạ xuống 0\$0035, như vậy thì riêm có thể lại bán một xu một bao như trước.

Bãi sở Kiểm duyệt Nam-Báo

Kể từ 1er Janvier 1935, sở Kiểm duyệt Nam Báo sẽ bãi đi ở khắp các xứ Đông-Dương chứ không phải ở riêng xứ Nam-kỳ mà thôi.

Về việc cứu-tế nạn dân Trung Kỳ

Đối với việc cứu giúp nạn dân này, quan Toàn quyền muốn cho tổ chức cuộc lạc quyền khắp Đông-dương vào ngày 27 Janvier 1935. Hội đồng cứu tế Trung-kỳ đã gửi tờ hô hào đi các nơi nhất định vào ngày ấy thì khắp Đông-dương đều có cuộc lạc quyền. Mong rằng đến ngày 27 Janvier sắp tới, tức là ngày chủ nhật, 23 tết ta, anh em chị em nên sốt sắng vào việc nghĩa này.

Kỳ này vì nhân gặp hai ngày nghỉ: Noel và Nguyên đán tây nên số báo này để 2 tuần làm một.

DỊCH PHÁP VĂN



Les croyances religieuses des premiers hommes

L'homme des premiers temps était sans cesse en présence de la nature ; les habitudes de la vie civilisée ne mettaient pas encore un voile entre elle et lui. Son regard était charmé par ses beautés ou ébloui par ses grandeurs. Il jouissait de la lumière, il s'effrayait de la nuit, et quand il voyait revenir « la sainte clarté des cieux », il éprouvait de la reconnaissance. Sa vie était dans les mains de la nature ; il entendait le nuage bienfaisant d'où dépendait sa récolte ; il redoutait l'orage qui pouvait détruire le travail et l'espoir et toute une année. Il sentait à tous moments sa faiblesse et l'incomparable force de ce qui l'entourait. Il éprouvait perpétuellement un mélange de vénération d'amour et de terreur pour cette puissante nature.

Ce sentiment ne le conduisait pas tout de suite à la conception d'un Dieu unique régissant l'univers. Il ne savait pas que la terre, le soleil, les astres sont des parties d'un même corps ; la pensée ne lui venait pas qu'ils pussent être gouvernés par un autre être. Aux premiers regards qu'il jeta sur le monde extérieur, l'homme se le figura comme une sorte de république confuse où des forces rivales se faisaient la guerre. Comme il jugeait les choses extérieures d'après lui-même et qu'il sentait en lui une personne libre il vit aussi dans chaque partie de la création, dans le sol, dans l'arbre, dans le nuage, dans l'eau du fleuve, dans le soleil, autant de personnes semblables à la sienne ; il leur attribua la pensée, la volonté, le choix des actes ; comme il les sentait puissants et qu'il subissait leur empire, il avoua sa dépendance ; il les pria et les adora ; il en fit des dieux.

FUSTEL DE COULANGES

Các điều tín-ngưỡng của người đời thượng-cổ

Người đời thượng - cổ lúc nào cũng đối - diện với tạo - vật, các thói ăn cách ở lối văn - minh chưa che cách hai bên. Mắt trông thấy cảnh - tượng đẹp dễ thì vui thú, thấy cảnh - tượng lớn lao thì choáng sợ. Thấy ánh sáng thì mừng, thấy tối tăm thì sợ mà hề thấy « cái hào quang thiêng liêng ở trên trời » lại hiện ra thì sinh lòng biết ơn. Cả cuộc sinh hoạt của họ là ở trong tay tạo vật. Khi thì mong đám mây đến làm tươi tốt mùa màng, khi thì sợ trận bão có thể phá hại cả công phu và hi-vọng suốt một năm. Lúc nào họ cũng thấy mình yếu mà cảnh vật ở xung quanh mình mạnh không gì bằng. Bao giờ cũng vừa kính trọng, vừa yêu mến vừa sợ hãi cái tạo vật mạnh mẽ ấy.

Mỗi cảm tình ấy không khiến cho người thượng cổ có ngay cái quan niệm một vị độc-thần cầm quyền chủ tể trong vũ-trụ. Họ không biết rằng trái đất, mặt trời, các tinh-tú đều là những bộ phận của một toàn thể ; họ chưa nghĩ ra được rằng cả các cái ấy lại do một đấng khác cai quản. Thoạt nhìn cái ngoại cảnh thì họ tưởng-tượng như là một nước dân chủ hỗn-độn trong ấy nhiều sức mạnh tương phản đánh lộn với nhau. Họ thường suy bưng họ ra để xét đoán các ngoại vật mà họ tự ngẫm mình thì thấy mình có nhân cách tự do, nên họ coi mỗi bộ phận của tạo vật, đất, cây, mây, nước, sông, cũng đều có nhân cách như họ. Họ cho các cái ấy cũng có tư-tưởng, ý-chi, biết lựa chọn công việc, vì họ thấy các cái ấy, mãnh liệt mà họ phải chịu quyền lực các cái ấy, nên họ chịu thần phục ; họ cầu nguyện và thờ phụng các cái ấy ; họ coi các cái ấy như những vị thần.

HẢI-LƯỢNG dịch

EURYDICE

1^{er} Prix de l'Indochine

par NGUYỄN - TIẾN - LĂNG

Chuyện Tình xưa này một bên chữ Pháp, một bên chữ quốc ngữ của ông Nguyễn-Tiến-Lăng đã được phần thưởng nhất của báo Indochine

Bán tại Đông-Tây ấn-quán, 193, phố hàng Bông - Hanoi Giá 0\$25 - Cước thưởng 0\$06

DỊCH HÁN - VĂN

«CHỨC CẨM HỒI VĂN»

CỦA TÔ - HUỆ

(Bài này trước đã có hai bản dịch của cụ nghệ Trúc-đường Ngô-thế-Vinh. Văn-Học tạp-chí số 9 cũng có lục một bản dịch của ông Hoàng-Quang).

X

Chàng vàng chiều đóng ngoài biên,
Thiếp đưa chàng trảy ở trên hà-kiều (1).
Ngâm ngùi gặt lệ dạn theo :
Đừng quên tình nghĩa, vui chiều xa xôi !
Vi đâu vắng bật tấm hơi ?
Buồng the dễ thiếp lẻ loi lạnh lùng.
Thềm dao (2) rêu phủ quanh không,
Trướng san hô để bụi phong đã đầy.
Ngâm ngùi nhớ lúc chia tay,
Ước gì hóa được mà bay lại gần.
Hóa mây bay ở trên ngàn,
Hóa giăng bay ở dưới làn biển khơi.
Mây thì bay đến tận nơi.
Giăng thì soi đôi dấu người yêu thương.
Bay đi bay lại bên chàng,
Dấu nghìn muôn dặm cũng thường có đôi.
Nghìn trùng non nước xa xôi,
Trách chàng đóng mãi ở ngoài ải xa !

1) Cầu sông.

2) Cũng như : thềm ngọc.

Khi đi, lau mới vàng pha,
Mà nay, mai đã nở hoa mấy lần.
Trăm hoa đua nở vì xuân,
Tình xuân biết ngỏ xa gần cùng ai ?
Cành dương tay vịn rã rời,
Hoa đầy mặt đất, ai người quét hoa !
Trước sân cỏ mọc rườm rà,
Ôm đàn luống những xót xa bàn hoàn.
Nhớ chàng dạo một cung đàn,
Xa đem tình tự thở than mấy lời.
Bắc phương non nước xa khơi,
Vi đâu vắng bật tấm hơi đi về !
Lệ tuôn gối phượng đầm đìa,
Áo loan biếng sửa, xiêm nghe rách bồng.
Ba xuân tiếng nhận qua sông,
Khiến người li biệt tấm lòng pha phôi !
Dây còn, ruột đã đứt rồi,
Khúc chưa trọn hết, sầu thời như tuôn.
Lòng chàng nhớ thiếp bằng non,
Nhớ chàng, lòng thiếp lại còn bằng ba ;
Gấm này đem hiến vua ta,
Xin tha chồng thiếp về nhà với nao.

Trúc Viên

PHẠM VĂN NGHỊ



HỘP THƯ

Ô. Nguyễn bá Năng Baclieu. — Vì thấy V. H. số 51 nhà Bưu - điện trả lại không nhận nên tôi mới hoãn việc gửi báo lại, chờ bao giờ có thư ngài hỏi mới lại gửi tiếp bởi vậy hôm nay tiếp thư ngài

31-12-34) tôi đã gửi vô ngài từ số 51 đến 66 rồi.

O. Trần Ngọc Banh Huê. — V. H. chưa đăng bài gì về nhà văn sĩ Pháp Maurice Dekobra bao giờ cả. Tiền mua báo xin ngài nhớ gửi ra trả cho.

O. Nguyễn bá Ninh Pleiku. — V. H. kỳ nào cũng gửi vô đủ để ngài coi, không hiểu vì lẽ gì mà hay bị mất

thế. Tôi gửi bù ngài mấy số thiếu hôm 31-12-34 rồi. Xin ngài nhớ gửi tiền ra trả cho.

O. Dương văn Triệu Thonot. — Mandat 5\$00 ông gửi ra trả tiền báo và mua sách, chúng tôi đã nhận được.

O. Nguyễn văn Lâm Cai Be. — Số tiền 1\$17 ông gửi ra trả nốt tiền V. H. chúng tôi đã nhận được.

O. Hà ngọc Côn Sadec. — 2 quyển sách đó vì hết đã lâu nên không gửi, tiền của ông gửi ra mua sách chỉ còn thiếu có 0\$06 thôi.

Cô Bạch Tuyết Saigon. — Bài của cô không thể đăng được. Cô có ý kiến về tờ V. H. nhưng chúng tôi không thể theo được vì dù sao, V. H. vẫn giữ một tôn chỉ đứng đắn.

O. Nam Sơn Viêtri. — Sở dĩ không gửi phụ trương hăng háng về Esperanto cho ông là vì ông chưa trả bản báo đủ tiền.

THI II THI O A II

THI-SĨ VỚI MÙA THU

Trên cánh thời-gian vô tình bay mãi, 4 mùa thay đổi, đông tàn, xuân hết, hạ qua... thu năm xưa cũng lại về khêu gợi cho ai ai nhiều cảm tình man mác vẫn vơ...

Khách làng văn đến mùa *nên thơ* ấy tình cảm càng chan chan trước cái cảnh:

THU THỦY CỘNG TRĂNG THIÊN NHẤT SẮC.

đã khéo làm cho hồn thơ xúc động gây nên nhiều tiếng đồn du-dương ảo não của chiếc đòn tâm, làm cho người đọc cũng sinh ra nhiều cái cảm-giác êm đềm thanh-thú.

Thì, cũng buổi thu này, trước cảnh tiêu sơ tịch mịch của bức tranh thiên-tạo, nhà văn đã buồn, rầu, sầu..., vì

Cái thú mùa thu cái thú sầu (Đông-Hồ) kia mà! hoặc than phiền oán trách, vì cái cảnh:

Nước biếc non xanh khéo hẹn hò,
Thu sao lạnh lẽo mới là thu!

Khiến nguyệt lạnh lùng xâm trướng vóc,
Xui may hiu hắt lọt chần cù...

Trước cảnh thu, tao nhân mặc khách đa tình đa cảm thường buồn... với ngọn gió thu thổi, khí thu lạnh, lá thu rụng, trăng thu lờ... đêm thu réo rắt những tiếng dế khóc trùng ngâm hay với giọt mưa thu lách tách làm cho ba tiêu chan lẹ suốt đêm trường....

Lại còn cảnh nước biếc, non xanh, lẫn một màu trời xanh ngắt làm cho kẻ đa tình càng bực nèn câu giai-tác...

Cụ Yên-Đồ (Nguyễn-Khuyến) đã vì thu mà vịnh. Âm, điệu... trong cái cảnh nhân hạ buổi về hưu. Trước cái cảnh:

Trời thu xanh ngắt mấy tầng cao,
Cần trúc lơ-phơ gió hắt hiu.

Nước biếc trông như từng khói phủ,

Cụ lại đề: Song thưa để mặc bóng trăng vào...

Rồi hôm sau, bằng khuâng nhớ cảnh sinh tình, trời vừa tối, cụ lại đem chén nồng ra nhấp trong cái cảnh:

Năm gian nhà cỏ thấp le-te,

Mà trông ra thì:

Ngõ tối đêm sâu đóm lập-lờ.

Lưng dậu phất-phơ màu khói nhạt,

Làn áo lỏng lánh bóng trăng lơ.

Da trời ai nhuộm mà xanh ngắt...

Ngày mai, cảnh thu còn chứa chất nhiều thú êm-đềm, cụ lại vào trong:

Ao thu lạnh lẽo nước trong veo,

với: Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo.

Mà trông trời thu thì:

Sóng biếc theo làn hơi gợn tí,

Lá vàng trước gió sẽ đưa vèo.

Từng mây lơ lửng trời xanh ngắt...

Trời thu ảm-đạm, cỏ cây vàng úa, bốn phương trời hơi may hiu hắt, vườn thu lá rụng..., rừng thu sườn núi rỉ ron kêu... Cụ Ngô-chi - Lan lại buồn, sinh cảm với những câu:

Gió vàng hiu hắt cảnh tiêu sơ,

Lẻ tẻ bên trời bóng nhận thưa,

Giếng ngọc sen tàn bông hết thắm,

Rừng phong lá rụng tiếng như mưa.

Trước cảnh thu:

Thánh thót tàu tiêu mấy hạt mưa,

bà huyện Thanh Quan lại:

Khen ai khéo vẽ cảnh tiêu sơ:

Xanh om cỏ thụ tròn xoe tán,

Trắng xóa tràng giang phẳng lặng tờ,

Rồi:

Bầu giốc giang sơn say chấp rượu,

Túi lưng phong nguyệt nặng vì thơ.

Bà bèn thả giọng bông đùa:

Ô hay! cảnh cũng ưa người nhĩ,

Ai thấy ai mà chẳng ngẩn ngơ!

như say như tỉnh với đêm thu, với bóng trăng vàng vạc, cô Xuân-Hương cũng lên giọng hỏi:

Trải mấy thu nay vẫn hầy còn

Cớ sao khi khuyết lại khi tròn?

Hỡi con Ngọc thoả đã bao tuổi?

Chớ chị Hằng Nga đã mấy con?

Đêm thắm cớ chi soi gác tía?

Ngày xanh còn thẹn với vừng son.

Năm canh lơ lửng chờ ai đó ?
Hay có tình riêng với nước non ?

Nổi gót cô Hương, cụ Tú Xương cũng một
tánh tình đùa bỡn cay chua, chốn lữ - đình
sức tỉnh canh khuya, trước cảnh ;

Tiết thu dạ trời quang mây tạnh

:
Gương nga vắng vặc đãi hề quẻ lan. .

Rồi :

Thấy trăng mà động lòng vàng,

Cụ cũng :

Ngâm câu vắn nguyệt mà đoan mấy lời.

Tức sự, buồn đời tưng bực, gian truân, chẳng
được chữ nhân khuây khỏa như các cụ xưa, tuy
cũng sớm xách ô đi tối vác về, thương dẫu nhờ
lưng một mẹ mày . . . cụ cũng buồn thế sự mà
hỏi chị Hằng... Nguyên có sao mà được thanh thoi ?.

Rồi lại :

Hỏi di nguyệt có đường lên lối ?

Chốn thềm cung cách mấy dặm xa ?

:
Hỏi di nguyệt có tình chẳng tá ?

Chữ niên hoa phỏng đã nhường bao ?

:
Hỏi di Nguyệt hằng-Nga mấy tuổi ?

Cứ ngày rằm đến tối thì ra ?...

Trong cơn đùa bỡn thiết tha, nói chuyện với
trăng, trăng trả lời, mê say với cảnh trăng thu,
cụ những đã :

Muốn lên cho đến cung trăng,
Kết duyên cho được chị Hằng mới tha.

..

Trời thu xanh, cúc thu vàng,
Hồn thu man mác như vương mối sầu.

(BÁN-THAN)

Trời thu ảm đạm một màu,
Gió thu hiu hắt thêm rầu lòng em.

(TƯƠNG-PHỐ)

Bà Tương-Phố đã vì thu mà Giọt lệ chan hòa,
sinh Khúc thu hận buồn man mác... Chiếc bóng
song the, bà đã than lời ảo-não :

Chàng đi buổi thu sơ năm ấy,
Thu năm về nào thấy chàng về...
Chàng đi đi chẳng trở về,
Thu về thiếp những té mệ dạ sầu.

R ồ i

Thu xưa khóc thu này lại khóc,
Năm năm thu mắng khóc mà già...

:
Sầu ngáy ngất những ngày thu lại,
Giọt ngâu tuôn lệ lại chan hòa.

Vì thấy cảnh sinh tình nhớ tiếc :

Ngàn xanh sắc lá vàng pha,
Bông lau lá lướt là đà ngọn mây.
Non nước buồn cỏ cây hiu hắt,
Khói mây tuôn mặt đất chân trời...

Cho đến nỗi : Nước giòng thu khôn rũ tấm sầu. .
Một giếng thương tâm, trong lú- bà Tương-
Phố khóc chồng, thì xưa kia chúa Trịnh cũng
buổi thu này mà cảm nhớ Mỹ nhân :

Trời thu đang độ ngó bay,
Sương ngừng mặt ngọc, mai lay lá vàng.
Nguyên non Thái, sông Hoàng lạnh lạnh,
Bỗng xui người xa lánh về đâu ?

Mà :

Có khi thềm ngọc bắn khoả,

Đề :

Mạch sầu tuôn châu lệ đòi cơn.

Cho hay linh hồn người thường hay bị cảm
xúc dưới những cảnh gợi tình, cho đến chúa
Trịnh là người đồng lực, lúc ấy (anh) vẫn còn
được thua chưa ngã, cũng vì cảnh thiên nhiên
của buổi thu mà xúc động can tràng, nhớ đến
hồn Mỹ nữ mắc bận bịu mối lòng, gợi tâm sự
tiếc thương mà nhờ cây :

Thiêng thì phù hộ quốc gia vững bền.

..

Cảnh thu lại còn làm cho thi nhân nên nhiều
hề thơ vui :

Xa nghe còi ốc lóc lóc toé toé,
Đàn đẽ bên tai ré rề rề.

Trước giếng chèo chàng choang choác choác,
Bên thềm đóm đóm lỏe lỏe loe.

Lưng trời chớp dật nhoang nhoàng nhoàng,
Mặt nước trắng in lập lập lỏe.

Thơ thần đêm thu thì thì thị,
Vùng đông đầu đã hỏe hỏe hoe.

(VĨ-TAM-THANH).

Chiều thu nhận lạnh về thưa, thuyền ngư đồ
bến, cái cảnh.

TÍN TỨC NGƯ NHÂN HOÀN PHIẾM PHIẾM,
THANH THU YẾN TỬ CỔ PHI PHI.

Với:

Ngàn lau nghi ngút sương pha.
Chim hôm đã quẩn mộ-hà về tây.
Chiều thu hiu hắt hơi may...

Càng làm cho:

Người đắc thú ngâm câu cổ luật.
Kẻ thanh sầu xướng khúc trường ca...

X

Cho nên cụ Đình-nhật-Thận gặp buổi đêm
thu, xa nhà, chạnh niềm cảnh cũ, mà nêu khúc
Thu dạ lữ hoài ngâm lại càng buồn nữa:
Đêm thu rặng bóng trời thấp thoáng,

Người ngắm cảnh trăng soi hoa nở,
Cảnh trên người ngọn gió rung cây...

Mà; Cách rèm thưa rót chén kim loan.

Rồi: Gẫm xem thời sự sụt sù.

Cõi phù mây thuở làm vui với đời...

Rồi càng nhớ lại bao nhiêu:

Khi ta đi, liễu đang xanh tốt,
Chim hoàng anh mới hót ba câu.

Bằng nay cúc đã ngậm thâu.

Liều kia nghĩ cũng âu sầu vì ve.

Xưa ta đi, đào khoe tiểu kiếm.

Gió đông phong mới điểm ba hàng.

Bằng nay lan đã dò sương.

Đào non nghĩ cũng vô vàng vì thu...

Mà lại càng:

(Làm chi vậy) buồn rầu đất khách!...

X

Thu về, cảm tác; thu đi, tiễn biệt; ông Nguyễn
khắc-Hiếu đã khéo « cảm thu, tiễn thu » trong
một bài văn gọn gàng, uyển chuyển.

Này ta hãy ngắm cái cảnh mùa thu êm đềm
thanh thú dưới ngọn bút tài tình của Tản Đà
tiên sinh:

Từ vào thu đến nay (1),

Gió thu hiu hắt,

Sương thu lạnh,

Trăng thu bạch,

Khói thu xây thành,

Lá thu rơi rụng đầu ghềnh,

Sông thu đưa lá bao ngành biệt ly,

Nhạn về, én lại bay đi,
Đêm thu vượn hót, ngày thì ve ngâm.
Lá sen tàn tạ trong đầm,
Nặng mang giọt ngọc âm thầm khóc hoa.
Sắc dàu nhuộm ố quan hà,
Cỏ vàng, cây đỏ, bóng tà, tà dương...

Cảm thu Hà-thành, tiên sinh càng cảm càng lên
giọng hỏi:

Nào những ai... những ai...

Rồi, thấy thu ra đi, vì chức vụ của thi-nhân
tiên sinh lại đưa mấy lời tiễn biệt:

Thôi thời,

Cùng thu tạm biệt,

Thu hãy tạm lui.

Chi để khách đa tình đa cảm,

Mà:

Một mình thay cảm những ai ai.

...

Kết luận. — Thưa các bạn,

Các bạn đã cùng tôi ngắm cảnh thu dưới ngọn
bút tài tình của các thi-nhân lãng-mạn. Cái quan
niệm đối với mùa thu ấy, bạn đọc đã nhận
thấy rõ ràng. Nay tôi xin tỏ bày chút cảm tưởng,

Đối với cái quan-niệm ấy, chúng ta ở vào
đời thực tế này phải thế nào? Tưởng là một
câu hỏi chúng ta cần phải giải đáp cho tinh
tế vậy, vì mùa với người có nhiều cái quan
hệ mật thiết với nhau.

Đây phần nhiều là nhà văn thường bị những
cái thành kiến xã hội đem tình cảm vào một
con đường đã vạch sẵn: con đường sầu thảm,
bi ai... nói cho đúng là đều bị đắm dưới chủ
nghĩa bi quan.

Chúng ta nay có vì thu mà sầu không, có
vì thu về với ngọn lá vàng rụng, cảnh trời âm
đạm mà càng thất vọng hoặc đeo theo tư tưởng
bi quan không?

— Tưởng không vậy!

Đời này là đời gì? Hẳn phần đông đã rõ.
Nếu còn mơ mộng, buồn vơ vẩn trước cái cảnh
nhỏ mọn theo công lệ của tự nhiên, tôi xin
cả quyết hô lên rằng chúng ta không nên như
thế nữa.

Cái óc cảm giác, không ai ngăn cấm được.
Nhưng cứ đồng một cảm giác buồn... tôi tưởng

1) Trọn bài này có đăng ở V. H. T. C. số 60

chúng ta nên bằng tay chôn sâu... cái... vẫn hóa cũ ấy đi.

Chúng ta phải lạc quan mà sống, chúng ta phải mạnh dạn mà sống trước những cảnh vật của thời gian... Bầy sinh lực của ta phải bằng bột bằng hái luôn.

Vì thu mà ứa lệ, vì thu mà cảm buồn, vì thu mà trách móc, vì nỗi lá thu rụng mà than kiếp phong trần... há chẳng phải là những cảm giác hèn lấm dư?

Ta chẳng dám trách ai, ta chỉ ước người đời tự tin ở cái sinh lực của mình, biểu tượng của nhân loại, tương lai trong thời gian vô tận... phấn đấu vui vẻ, mạnh dạn để sống vui trong mọi hoàn cảnh xã hội và tự nhiên... nên đánh tan những cái thành kiến dự định mấy ngàn năm chìm đắm não ta vào vòng hắc ám của yếm thế quan niệm.

Nói rồi lại, thu về chỉ là một sự thay đổi theo công lệ đương nhiên của thời gian.

« Mọi cảm tưởng của ta đều thực, đều dở, đều khoái đến đâu đi nữa cũng chỉ là hiệu

quả của một ngày thôi; chỉ sinh lực của ta mới là người bất diệt của thời gian vô tận ». (Nos impressions même les plus sincères, les accentuées, les plus enthousiasmées ne sont que l'effet d'un jour ! Seule, notre vitalité est la source perpétuelle du temps infini).

Người nào ở thế-kỷ này còn cảm thu mà sầu thu, khóc thu, ước thu, trách thu... tôi xin tặng mấy lời thô thiển của tôi làm tài liệu cho cuộc suy nghĩ.

Nói thế không phải tôi phản đối thi ca đau và tôi ngăn ai cảm thu đau, tôi chỉ ước rằng ở thời đại này, kẻ cảm thu chớ nên khuôn rập theo những cái khuôn sáo cũ... v. v.

Bạn đọc nên suy nghĩ đi !

Ai là người ưa « mới » nên suy nghĩ đi ! !

ĐÀI-NAM,

Tân-thiếu-Niên đến 12 Janvier 1935 này sẽ tái bản. Lần tái bản này, có ông bạn Tráng-Kiều Lê-tài-Phùng đứng chủ - trương tất sẽ được quốc - dân hoan - nghênh. Tòa báo ở số nhà 11, phố hàng Bông - Hanoi.

CÔNG VIỆC NHÀ BĂNG

Một quyển sách rất có ích cho các nhà buôn bán, các nhà kỹ - nghệ, các nhà kế - toán, các tư - gia và các học - trò

CỦA DƯƠNG - TỰ - NGUYỄN SOẠN

Trong có những mục :

- 1.) Đại ý về nghề nhà băng. — 2.) Phân biệt các nhà băng. — 3.) Cách tổ-chức của các nhà băng ngày nay. — 4.) Nhận tiền của người khác gửi. — 5.) Cách dùng séc. — 6.) Cho vay. — 7.) Giấy giao kèo đổi bạc. — 8.) Trả tiền hộ cho người khác ở nơi xa. — 9.) Giấy tín nhậm để lĩnh tiền du lịch. — 10.) Giấy tín-nhậm để lĩnh tiền hàng. — 11.) Mua các thương-phiếu. — 12.) Phát hành giấy bạc. — 13.) Đổi bạc các nước. — 14.) Nhận mua và bán các trái phiếu và cổ-phần. — 15.) Nhận gửi các đồ quý trọng và cho thuê tủ sắt. — 16.) Hỏi hộ các tin tức. — 17.) Cách tính lãi. — 18.) Cách giả lãi các thương phiếu. — 19.) Cách lập sổ lưu trữ hàng ngày. — 20.) Biểu liệt kê những tiền các nước và biểu tính lãi.

SÁCH DÀY 262 TRANG, ĐÓNG BÌA THẬT ĐẸP.

GIÁ 1 \$ 50 — CƯỚC GỬI \$ 0.25

Bán tại Đông - Tây Ấn - Quán, 193, PHỐ HÀNG BÔNG, HANOI
Nam - Tân, 84, BOULEVARD BONNAL, HAIPHONG

MỘT BỨC THI-SĨ CÓ TÀI KHÔI - HÀI

ÔNG TÚ HỌC BÀN

Ông người ở phủ Thăng-Bình, tỉnh Quảng-Nam, làng Phước-Thạnh là một bức cự nho gần đây, vừa mới mất được vài năm nay.

Ông người rất hay chữ, các bức thân sĩ ở tỉnh đều kính phục học lực ông, mà các vị quan lại tới trấn nhậm ở đó cũng kiêng nể ông lắm. Lúc bây giờ có người đã dám đem ông mà so sánh với ông Trần-kế-Xương là một nhà thi-sĩ đất Bắc ; vì chẳng những nho-học ông đã thâm thúy mà quốc - văn ông cũng thông hiểu ; chỗ ông giống ông Trần-kế-Xương hơn hết là viết văn nhạo đời.

Cái đời của ông, trong lúc sinh bình lại càng có lắm chuyện lý thú hơn nữa.

Học giỏi, nhưng thi cử hỏng hoài, từ lúc mới bắt đầu vào trường ốc, đến khi nhà nước dẹp trường ốc, ông vẫn đi thi luôn, nhưng kết cục ông chỉ đỗ được tú tài, sau được nhà vua cho hàn-lâm cung phụng là hết. Vì vậy mà người ta kêu ông là ông tú. Học Bàn là tên tục của ông. Ông thích rượu, từ sáng đến tối không bao giờ ông rời cái chai và cái chén. Mặt ông bao giờ cũng đỏ gay mà miệng ông bao giờ cũng sực mùi rượu.

Lúc còn nhỏ ông thọ giáo ông Nghè-Ngọc-Phổ, là một nhà nho rất có tiếng, chẳng những có tiếng về văn tài mà có tiếng về đạo đức nữa. Ông Nghè có đến mấy trăm sĩ tử mà lúc bấy giờ ông là một vị môn sinh được thầy yêu dấu hơn hết, vì thế mà ông được thầy gả con gái

cho. Một hôm, nhằm ngày kỵ ông Nghè, đồng môn tề tựu đủ mặt, ông và đứa con trai, nhớ ngày ấy cũng đi tới. Nhưng nửa đường, bị thần men ám ảnh, ông chịu không nổi, bèn bảo người con cắt tai lợn và đưa bì rượu cho ông chén. Cậu con bèn nói : « Thừa thầy, đồ này để đem cúng ông ngoại mà ! - Không bình sinh ông ngoại con không ưa rượu, nếu đem rượu mà cúng thì trái ý ông, thầy không muốn, huống chi có đem cúng đi nữa, nếu ông ngoại con thấy thầy cũng đưa cho mà nói rằng : « Ở thằng tú Học đây mà ! ta cho con chai rượu đó ».

Nói thế rồi nửa cái thủ lợn và một lít rượu uống đã hết, ông dắt con trở về nhà.

Lại một lần, trong làng có đám cúng, Lý trưởng được hưởng cái thủ lợn, ông được cái nong, ông viện cớ rằng có việc ra mắt quan phủ, lại không tiền mua lễ, xin đổi giùm. Đến khi lên phủ, ông vào thưa rằng : « Tôi nghèo quá, nhưng lâu ngày quá phải lên bầu quan, chẳng gì làm lễ nên đổi cái thủ lợn cho xã mà đi ». Quan phủ nghe xong, từ chối không nhận lễ. Ông bèn đem ra quán mua rượu chén say rồi vào phủ xin ngủ nhờ. Đến khuya, ông buồn tiêu cứ đứng trong nhà mà đái, quan phủ quở ông không biết phép. Ông thưa rằng :

Bẩm quan lớn, tôi ở theo tục ngữ mà ! Tục ngữ nói rằng : « Quan tiêu ngoài sân, dân tiêu trong nhà ».

Ở làng Ngọc-phổ, có một vị tú tài nhưng dốt, được làng cử làm giáo sư, sau được thưởng Hàn-lâm đãi-chiếu, vẫn tự đắc lắm. Ông này lại có tính đâm đầu này thọc đầu kia, con người bất chánh. Một hôm gặp ông trong tiệm rượu đương chén, ông tú kia nhờ ông cho mình bài thơ, có cả các vị danh nho trong tổng ở đó nữa. Ông bèn ứng khẩu đọc đồn cho mấy câu, làm cho ông tú nọ bẽn lễn phải ra về.

*Chạy quanh, chạy quắc, chạy
vòng nong,
Mới chạy xóm ngoài, thấy xóm
trong,*

*Có tú, có nghè, còn có giáo,
Không tà, không nhọn, cũng không
cong,
Trăm voi một xáo khoai tiên lắm,
Cá bắt hai tay lúa bạc chong,
Sức ấy dầu mà làm đặng lớn,
Việc chi thầy tính lại không
xong.*

Lại có lần, người hàng xóm có đám ma. Dâu rề nhờ ông nghĩ cho câu vãn. Rề thì có một anh, nhưng anh này thì què ; còn dâu thì 2 chị, nhưng lại bị bệnh nhảm, nhân đó mà ông đặt câu vãn xỏ rằng :

*Ngoài một rề, chân không bén đất,
Trong hai dâu lệ chẳng ráo trông*

Mới nghe tưởng anh rề này lo cho mẹ vợ, chân chạy không bén đất, ai ngờ là anh rề què !

Mới nghe tưởng dâu 2 cô dâu thương mẹ chồng mà khóc không ngớt lệ, nào dè dâu 2 chị kia nhảm !

T. L.

PHÊ BÌNH**CUỐN “ LỜI HOA ” ...**

Sách Tàu mới in ra gần đây có bộ « Tân thời đại quốc-văn đại-quan » họ sưu tập những bài văn văn văn xuôi của học sinh các trường từ bậc trung - đẳng, cao-đẳng trở lên, hầu đủ cả các thể văn, mà đều là những bài văn hay, có thể làm khuôn mẫu cho những người học sau, in ra thành bộ sách ấy. Xem bộ sách ấy tôi vẫn lấy làm thích, và vẫn nghĩ rằng ở nước ta ngày nay, muốn cho các học sinh được tiện có cái khuôn mẫu mà tập rèn quốc văn thì cũng nên phải có những sách như bộ sách nói trên của Tàu. Nghĩ như thế, tôi bèn vẫn định tâm nếu có thì giờ sẽ biên tập những cuốn sách có cái tính chất như bộ « Tân thời đại quốc văn đại-quan », để cống hiến cho các cô các cậu học - sinh có chí muốn tập rèn về văn Quốc-ngữ.

Tình cờ một hôm vừa đây, có người đưa cho xem cuốn sách nhan đề là « Lời Hoa »; dưới cái nhan đề lại thấy có 4 chữ « Đông-Hồ nhuận sắc ». Đông-Hồ là ai? Một nhà văn ở Hà-Tiên trong Nam-kỳ mà tôi vẫn đã từng biết tiếng; quyền sách nếu đã do nhà văn ấy nhuận sắc thì chắc là quyền sách nên xem. Bèn cầm lấy sách ấy mở vào trong coi, thì thấy là một quyền sưu tập những bài văn của mấy cô nữ học sinh tại trường Trí-Đức học-xá ở Hà-Tiên do ông Đông-Hồ làm giáo sư, ông nhuận sắc lại rồi in ra, trong có hơn một trăm bài chia ra làm chín thể văn, có thể dùng làm mẫu tập viết quốc văn cho những học sinh ở các trường tiểu học.

Nguyên ông Đông-Hồ Lâm-tấn-Phác là một người có tình với quốc văn lắm, năm 1925, ông có dựng ra Trí-Đức học-xá ở đất Phương-Thành tại Hà-Tiên, chuyên dạy học trò luyện tập về quốc-văn. Ông đem cái nhiệt tâm của mình đối với quốc văn mà rèn dạy học trò, nên những học trò trong trường Trí - Đức của ông, viết quốc - văn khá lắm. Năm 1927, một cô nữ học sinh trong trường là Trần-tuyết-Mai, có đem những bài văn của mình tập viết ở nhà trường, hợp vào một quyển để xuất bản, đề nhan tập ấy là « Bông hoa đầu mùa »; năm 1929, một cô nữ học sinh nữa là Thái-mộng-Tuyết cũng sưu tập những văn mình viết để xuất bản, đề nhan là « Bông hoa học nở », học nở là có ý nói nhún nhún ông đổi lại cho là « Bông hoa đua nở »; đến năm 1931, lại một cô nữ học sinh nữa là Nguyễn-thanh-San cũng sưu tập văn mình để đem xuất bản tự lấy tên mình đặt cho tập văn là « Thanh-San văn thảo », nhưng gặp khi đó trường Trí-Đức đã phải đóng cửa, vì học trò họ thấy quốc - văn không phải là món nuôi sống họ về sau này được, họ bỏ học cả, ông đương lúc buồn lúc cảm, bèn đề nhan cho tập văn ấy là « Bông hoa cuối mùa », có ý thủ nghĩa rằng đó là bông hoa nở ra cuối cùng của vườn hoa Trí-Đức. Ba tập văn ấy có lẽ đã xuất bản ở Nam-kỳ nhưng chính tôi chưa được nom thấy, nay ông Đông-Hồ đem nhuận sắc lại ở tập ấy, và hợp thái ít nhiều bài của học trò khác, theo thể văn chia

làm 9 loại in hợp vào làm một tập mà đề nhan là « Lời Hoa ». 9 loại ấy là: 1. văn tả cảnh; 2. văn tả người; 3. văn tả cây cối; 4. văn cảm tưởng; 5. văn kể chuyện; 6. văn viết thơ; 7. văn bàn luận; 8. văn bình giải phong dao cổ ngữ; 9. văn chúc tụng. Sách dày 206 trang giá bán 0\$45 (1).

Xét tập văn này ra đời chính là ứng vào với sự nhu yếu trong cõi học. Vì những sách có thể dùng vào việc học ở nước ta ngày nay, tuy rằng cũng có nhiều quyển in ra, nhưng những quyển có thể làm khuôn mẫu cho các học trò trẻ tập viết quốc văn thì còn tuyệt ít, trừ ra quyển 82 bài luận quốc văn của ông giáo Nguyễn-đức-Bảo mà Đông-Tây ấn quán mới xuất bản đây thì không kể.

Quyển Lời Hoa này, lời văn giản dị, ý văn rồi rào, lại có cả thấy 9 thể văn, rất tốt cho các tiểu sinh muốn tập viết văn quốc ngữ, tuy là văn của mấy cô nữ học sinh, nhưng các bài tả cảnh tả tình, đều có cái tính cách chung, có thể thông dụng cho bất cứ học trò trai gái. Lại nhân được nhà văn Đông - Hồ nhuận sắc, nên trong quyển này thật rất có nhiều bài có giá-trị lắm, văn viết có phép tắc chữ dùng được xứng đáng, mà ý vị rất là đầm thắm rồi rào.

Ngoài ra thì sau khi đọc tập văn này, tôi còn có một mối cảm tưởng: nước Việt-Nam ta dân số gồm non hai mươi triệu, ở trên một giải đất chia làm

(1) Có bán ở Đông - Tây ấn-quán Hanoi, xa thêm 0\$12 cước - Muốn gửi lối đảm bảo thì thêm 0\$22 cước.

DU KÝ**BƯỚC ĐƯỜNG ĐI MỸ**Của PHẠM - CHÂN - HÙNG

(Tiếp theo kỳ trước)

Xét toàn cảnh chốn mộ địa này, chúng tôi dám nói rằng tấm lòng kỷ niệm danh nhân của người Tàu cũng có, mà cũng còn hơn người An - nam mình, chứ không phải là không. Nhưng thực ra thì chỉ kỷ niệm là kỷ niệm đó thôi, chứ không có cái tinh thần kỷ niệm như người Âu-Mỹ. Duy có một điều họ đã rập hẳn được khuôn của người Âu-Mỹ là cách lợi dụng danh nhân để làm quảng cáo! Không thể, sao kia khắp trên các bia, các cột, các tường, đều thấy dán đầy những tờ yết thị vào giấy chiếu hàng, trong lúc chúng tôi qua xem, không thấy

(Tiếp theo cuối trang trên)

3 kỳ ngòeng nghèo chữ S, thế mà kẻ ở trung bộ đất Bắc, đọc một tập văn của mấy cô nữ sinh tận miền cực Nam, tuyệt chẳng thấy có một chữ nào lạ lẫm, đến nỗi khiến mình không hiểu nổi, coi vậy đủ thấy ngôn ngữ nước ta thống nhất là dường nào. Bắc từ Lạng-sơn, Nam đến Hà-tiên; non sông một dải ba kỳ liền, con Hồng cháu Lạc, dòng dõi miên duyên, chung một ngữ ngôn văn tự, chung một lịch sử tổ truyền, thực là một cái dân tộc thuần tuyền, đáng có cái địa vị sinh tồn ở trong thế giới. Vậy thì người nước há chẳng nên biết nhậm chân cái nghĩa đồng bào đồng chủng, cùng nhau đoàn kết, để mưu cuộc sinh tồn tiến hóa cho nước nhà du!

KIM-PHƯƠNG

mấy người qua lại, nhưng cứ trông những tờ giấy dán kia, cũng đủ biết chỗ này là chỗ nhiều người đề mắt và đề gót chân tới. Ngay mấy đường quanh đó, chúng tôi thấy có đường sắt xe điện vì thế chúng tôi có ý đợi mãi xe tới để cùng đi chơi. Nào ngờ đợi no chầy nầy nước cũng chẳng thấy chuyển xe nào. Hỏi ra mới biết rằng công ty xe điện đấy đã bị viên tỉnh trưởng Trần-tế-Đường cuốn xéo hết vốn mua xe mà tếch thảng rồi! Vì thế mà các đường sắt mới phải bỏ đó một cách tiêu điều như thế.

Quay về Quảng - Đông, chúng tôi thấy một điều lạ và buồn cười nhất là xuất giặc phở ở đấy, chúng tôi gặp nhan nhản những cảnh binh. Họ đi từng tốp 3, 4 người một. Tốp nào cũng vậy, người đi đầu vác cờ Thanh thiên bạch nhật, còn mấy người kia thì bồng súng, trông có vẻ oai nghiêm lắm. Mỗi tốp chỉ đi cách nhau chừng 50, 60 bước mà thôi. Thấy cách tuần phòng chính bị như thế, ai không bảo là nghiêm ngặt, trật tự trong hàng tỉnh sẽ được yên ổn. Nhưng trái lại, thì trời ôi! hão cả! Trộm cướp vẫn như rươi! Đã biết rằng các ông con Trời, trong mọi việc nhớn nhỏ, đều chỉ có thanh thế sẵn bề ngoài mà thôi. Cho nên, xưa nay người ta thường nói, dù là chiến binh hay cảnh binh, quân cốt ở tinh luyện chứ không cốt ở nhiều là thật đó.

Ở đây, lại có một điều lạ nữa là có phiên chợ họp ban đêm, từ 12 giờ tới sáng. Tuy vậy, chợ họp rất đông đúc. Ngoài những món hàng lật vạt ra, có 3 món hàng nhiều nhất đáng cho chúng tôi chú ý là: ngọc thạch, đồ sứ và đồ bàn ghế bằng gỗ yên chi, chính của những người nhà quê làm lấy rồi mang ra chợ ấy bán. Ba món này đều bán một giá rất hạ. Vì thế mà các chủ buôn sang ta, tuy thuế nhập cảng đã cao, nhưng các chủ cũng còn ăn lãi nhiều lắm.

Phạm ai đã qua đấy, tất cũng trông ngay thấy một tòa nhà độ sộ cao tới chín tầng. Đó là hiệu Đại-lân, một cái thế giới cực lạc của dân tỉnh này vậy. Trong 5 tầng dưới dùng làm nơi bán gần đủ hết các mặt hàng. Còn từ tầng thứ 6 trở lên tới tầng thứ chín, tức là cái thế giới khoái lạc. Trước hết, muốn vào qua được cái cửa có bốn chữ đề « Nhập Thiên Thai Động » thì phải lấy cái vé ba hào bạc tàu. Chiếc vé này dùng để qua cửa và được trông ngắm phong cảnh, cũng đủ nhiều cuộc vui như chớp bóng, hát tuồng, xiếc, vãn, vãn... cũng đã thấy nhiều cảnh thần tiên lắm rồi. Ngoài ra, các lối đi, các ngõ đường ngoằn ngoèo như đường núi đá, hai bên đường thối cây thơm, cỏ lạ, rõ vẻ thiên thai, còn thấy lũ năm lũ ba, các ả tần thời, mặt hoa da phấn, lượn đi lượn lại tìm khách đa tình. Còn thì nào

những nhà nhảy đầm, nhà cô đào, nhà ăn uống, nhà đánh bạc, muốn vào nhà nào thì tùy. Vào qua tới chốn này, chúng tôi cũng chỉ cốt biết đại thể cách ăn chơi của dân Tưởng-giới-Thạch mà thôi! chứ có thì giờ đâu mà thử cho khắp được. Cứ riêng một cái thể giới khoái lạc này, chúng tôi chắc rằng hàng năm, hàng tháng, hàng ngày các chú con trời cũng đã phải nhiều anh thất cơ, lơ vắn về nỗi ăn chơi!

Chúng tôi lại còn thấy người ta còn rủ đi chơi chỗ khác cái nhà người ta bán phong vị và khoái lạc vật chất của đời vua chúa, tể tướng và thượng thư cho những phượng hoàng. Nghĩa là trong 24 tiếng đồng hồ, tôi muốn làm vua thì mất 200\$ muốn làm tể tướng thì mất 100\$ mà làm thượng thư thì mất 60\$ tùy ý muốn chọn hạng nào thì chọn. Thí dụ như muốn làm vua sau khi đã trả số tiền 200\$ lập tức được rước vào ngủ một nơi cung điện, rồi thì ăn uống, hầu hạ, cũng được hưởng mọi phong vị mọi khoái lạc y như một ông vua thật trong 24 tiếng đồng hồ. Có đủ cả tam cung lục viện rất đẹp, y như các bậc hoàng đế cổ nước Tàu. Suốt trong 24 tiếng đồng hồ ông vua tạm ấy tha hồ nổi bệnh Tề Tuyên mà ngự lâm màu thanh về quí! Hết cái hạn ấy, họ lại lột hết mũ măng, rước ra cửa thì lại hiện nguyên hình. Ngẫm nghĩ thời chẳng khác chi trò phượng chèo!

Chúng tôi nghĩ cho thăm thía cái anh nào đặt ra cái trò này cũng đã hiểu tâm lý người đời nhiều lắm! Thì dân Tàu cũng như dân An-nam mình, phần nhiều đều có óc thích làm vua,

làm quan cả. Như thế có phải rằng họ gãi ngay vào chỗ ngứa của các anh giàu mà hiệu danh sẵn cùng các cậu công tử ngông vừa được thừa hưởng gia tài của tổ phụ đó không? Giá cái món hàng này mà nhập cảng vào nước Nam mình, chúng tôi dám chắc rằng rồi sẽ xảy ra nhiều nạn thật kết và phá sản chứ chẳng chơi. Hằng ngày chúng tôi thường thấy nhiều anh thêm thường cái đời vua chúa vẫn ước ao rằng: « Giá được làm vua một ngày cũng sướng! Thì có » khó gì! Mời ông đem 200 đồng sang Tàu, ông sẽ được làm vua làm chúa trong một ngày ngay. Cho nên chúng tôi dám nói chắc rằng ở đời này còn có những hạng người ngốc của, thì còn nhiều cách buôn bán kỳ khôi đặc biệt hơn thế nhiều.

Như trên kia chúng tôi đã nói, cũng như trong buổi chợ đêm, các thứ hàng ở đây đều rẻ cả, chỉ phải cái thuế xuất cảng đắt quá, nên ngại mà chẳng mua bán gì hết. Thực là một điều hớ của người Tàu, tự mình đi bó buộc nền thương mại của mình.

Ở đây, cái số chị em cũng nhiều, nhưng họ họp thành một hội. Trong khi ra tiếp khách hay hầu rượu, thì mỗi chị em phải đeo một cái dấu riêng của hội phát cho, chứ không được tự do như bạn đồng nghiệp ở Hong-Kong.

Cách một con sông, bên kia là Hối-Nam. Muốn qua sông phải dùng thuyền rộng, hay chaloupe. Các thuyền rộng, bề ngoài trông cực đẹp dễ, mà bề trong thì bẩn thỉu lạ thường. Vì thế mà chúng tôi không dám « ngự » phải đáp tàu thủy mất ba hào.

Trong xứ Hối-Nam, nhà cửa cao

ráo, đường xá cũng rộng rãi, sạch sẽ. Nhưng chỉ phải nổi buồn bán không được sầm uất lắm nên phong cảnh rất là quạnh hiu vắng vẻ. Cứ lấy tình thực mà nói thì dù ở tỉnh nào cũng vậy, cái cách ăn chơi của dân Tàu thì thật là tuyệt trần. Còn như về việc thương mại, thật siêng năng chịu khó. Riêng chính sách tiền tệ có nhiều điều khuyết điểm. Đồng tiền vừa to mà vừa nặng rất bất tiện cho người mang. Chúng tôi nghiệm thấy ngay ở khi mua một bao diêm, đưa cho họ 2 hào liền, họ trả lại 65 xu cứ những mang xu mà đi không nổi! không những thế cái giá của đồng hào lại bất nhất; khi thì 30 xu, khi thì 32 hay 33 xu, mà trong tỉnh cũng mỗi chỗ một khác nhau.

Xét ra Hối-Nam cũng chẳng còn có gì đáng chú ý, chúng tôi quay về Quảng-Đông để đáp tàu về Hongkong. Trái với khi đi, từ Quảng-Đông về Hongkong, chúng tôi đáp xe lửa trên quãng đường chừng hơn 100 cây số. Xe lửa khi vút qua những cánh đồng bát ngát, khi vút qua những đồi núi ngồn ngang. Xét ra sự sinh hoạt của nông dân Tàu cũng chẳng khác gì nông dân ta là mấy. Duy có một điều lạ là thỉnh thoảng lại thấy hoặc trong cánh đồng, hoặc các sườn núi súc siu những vỏ cùng lọ, hỏi ra mới biết đó là những mả tròn nổi. Những vỏ, lọ đó đều đựng hài cốt cả. Vì ở đây thường xảy ra cái nạn dân nghèo bán mả, mà nhất là buổi kinh tế này! Nghĩa là bán chỗ chôn vỏ hài cốt ông vải nhà mình mà dựng ở bờ ruộng, sườn non.

Về tới Hongkong, chúng tôi đợi chiếc tàu Président Coolidge tới để đáp sang Mỹ. Nhưng khi,

trình kiến (visa) được chiếu về thì thật cũng lấy làm vất vả. Thầy thuốc Mỹ còn khám nào mắt, nào mũi, nào mồm, nào thân thể người, hết thầy đều không có bệnh tật gì họ mới chịu cho. Như thế thì sau khi ở Mỹ về có nên tự phụ là người hoàn toàn vô bệnh không? Chiếc Président Coolidge này đối với những chiếc tàu to của hãng Đầu Ngựa, Năm Sao xem ra có phần lớn hơn nhiều.

Ở Hongkong, thẩm thoát đến ngày phải đi San Francisco chúng tôi ra hãng Dollar Sterling xem bản đồ chiếc tàu để nhận chỗ nằm. Rồi anh em cùng nhau sắp sửa hành lý từ biệt đất Hongkong. Chúng tôi muốn thi hành chủ nghĩa tiết kiệm. Nhưng nào có được đâu? Vì ở hạng ba đông khách quá, và đêm đêm các chú đánh bạc ầm ầm không sao ngủ yên được. Sợ rằng cứ luôn luôn như thế thì mất ngủ, e rằng có hại cho sức khỏe trong khi làm việc sau này, vì chúng tôi ra đi đều ôm ấp cái hy vọng cao xa là khi trở về nước phải đem theo về bạc triệu. Cho nên chúng tôi phải rầu lòng ở hạng ba cho tới Thượng Hải. Rồi từ Thượng Hải, chúng tôi phải điều đình với người commissaire cho lên hạng nhì. Đó chỉ vì cái lẽ nói trên thôi, chứ con nhà buôn chẳng phải là ngông nghênh hay kiêu hãnh gì đâu!

Ngay từ khi bước chân lên chiếc tàu này, sự ăn tiêu đều phải theo lối khác cả; ăn uống bắt đầu theo lối Mỹ. Cái lối ăn của người Mỹ lại càng quái lạ, trái ngược hẳn? Phàm đến bữa ăn, món ăn gì mặc dầu trước hết hãy ăn hoa quả đã. Mà cái món sữa bò là cái món cần nhất, chẳng bữa nào là không có.

Đến bữa lót dạ buổi sáng (petit déjeuner) mà cũng trước hết ăn một quả cam hay nửa quả bưởi đã, rồi mới uống một cốc sữa. Bữa cơm cũng vậy, cứ ăn hoa quả trước rồi mới dùng tới các món ăn sau. Vốn người Mỹ cái gì cũng cực sang, cực ngông, người thế giới đã phải công nhận là như thế. Thế mà lại có cái ăn là các người phương ta mới có thể chê được người Mỹ là lối ăn cầu thả, luộm thuộm. Vì người Mỹ trong những bữa ăn, bất cứ có bao nhiêu món, họ cũng chỉ để chung cả vào một chiếc đĩa lớn, chứ chẳng hề tách bạch mỗi món ra một đĩa như lối ăn của người Pháp. Quả vậy, các tướng Mỹ ăn lối ấy nó cũng khí « heo » quá thật! Nhưng chỉ được món súp họ ăn riêng chứ nếu súp mà cũng trộn lẫn với các món ăn khác nữa, thì thực quả là con « heo » thật. Lại còn cách uống nước mới kỳ khôi nữa. Trên tàu thường có những máy nước, y như cái chậu ở giữa có cái vú. Hễ bấm vào máy thì nước phọt ra vú, rồi họ cúi xuống mà há miệng đón lấy tia nước, coi không khác gì con cóc. Giao ấy lại nhằm vào khi còn đường cấm rượu, nên xuất bữa, mọi người đều phải dùng cốc nước lã thay rượu mà cốc họ hay dùng cốc bằng giấy. Trong khi còn ở hạng ba, ăn uống, toàn những người Tàu làm bồi hầu hạ.

Ngay ở trên tàu, sau khi ăn xong, có rất nhiều trò để giải trí, nào chớp bóng, nào nhảy đầm, nào nhà xem sách, nào vườn hoa ngắm cảnh. Trong những thứ chơi giải trí này, duy có cờ bạc là nhiều hơn cả. Chỗ này một bàn ma-trục, chỗ kia một quầy phán-thán. Suốt

ngày đêm các chú cay ăn, cay gỡ, rúc lác om-sòm. Vì cái cơ ấy mà chúng tôi phải tếch lên hạng nhì như trên đã nói. Ở hạng nhì, thì vắng vẻ lại sinh buồn, chúng tôi nhiều khi lại phải mò xuống hạng ba chơi.

Khi mới đến hạng nhì, chúng tôi gặp ngay ông bà Jean Ferré. Chính ông Ferré đang làm thanh tra các thuộc địa (inspecteur des Colonies). Thấy chúng tôi cùng nhau bắt tay mặt mừng, hai ông bà mời chúng tôi lên hạng nhất ngồi chơi nói truyện.

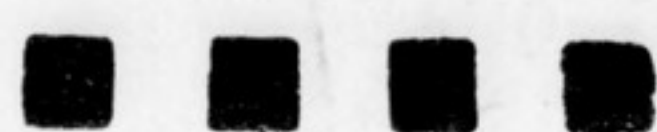
Theo phép lịch sự của người Âu, khi mới gặp nhau, trước hết hãy hỏi thăm về cửa nhà và công việc làm ăn buôn bán. Rồi ông nói truyện cho chúng tôi biết rằng quan Thống-sứ Bắc-kỳ Pages đã có lời gửi gắm chúng tôi cho ông, nhờ ông hết lòng trông nom. Chúng tôi ngỏ lời cảm tạ cả hai ông bà; rồi lan man vào cuộc nói truyện rất là mật thiết, tỏ ra cái tinh thần Pháp-Việt đề huề. Trong khi nói truyện, ông Ferré thường tỏ ý phàn nàn về nỗi xứ Đông-Dương thiếu nhà ngân hàng để làm việc khiến cho các nhà công thương bản xứ không có được đủ đồng tiền mà mở mang, hoạt động. Đối với xứ Đông-Dương ta, chỗ trách ấy thật là đích đáng. Khi sắp sửa từ biệt, ông Ferré còn có lòng tốt tặng chúng tôi vài phong thuốc lá Pháp, vì sợ rằng chúng tôi hút thuốc lá Mỹ chưa quen. Cái mỹ ý ấy đối với con nhà nghiện, thực ông đã thể tình mà gãi trúng ngay vào chỗ ngứa.

Sau cuộc nói truyện hàng mấy tiếng đồng hồ ấy, chúng tôi đứng lên tỏ lời cảm tạ một lần nữa và từ biệt hai ông bà xin phép về phòng yên nghỉ.

(Còn nữa)

NHỮNG TRUYỆN LÝ-THÚ

TRÊN ĐÀN VĂN.



VĂN NÀY PHẢI CÓ THƠ ẤY

Khách làng thơ ta xưa có nhiều chuyện rất vui mà cũng có nhiều chuyện rất buồn, nhất là buổi giao-thời, thi cử bỏ, các cụ hay chữ chẳng may thi hỏng, phần chi thường thốt ra nhiều bài thi ai-oán náo-nùng. Trái lại, có người tức thời sinh ra khinh đời ngạo vật, lẳng du phiếm-dạt đi bông đùa làm tiêu-khiến cho qua ngày đoạn tháng.

Sau đây, xin kể một chuyện vui trước đã, chuyện buồn sẽ kể sau. Có ông Nguyễn-hy-Lượng, giáo-sư được cửu-phẩm, (hiện còn sống), là người có tài làm thơ nôm ở huyện Gio-linh, làng Lan-đình, tỉnh Quảng-trị.

Nghe tiếng cô Phượng, (cũng hiện còn sống), ở làng Yên-Hòa (Gio-linh) cầm kỳ thi tửu đều giỏi, chồng mất sớm, được một đứa con, khách làng chơi đến đều tiếp đãi ân-cần, nhưng về đều hoa-nguyệt, chuyện ái-tình, thì chẳng hề ai làm xiêu lòng cả.

Ý cũng rắp lấy người xứng đáng vừa lòng, nhưng chẳng được, nên đành giữ chữ tiết cho đến bây giờ.

« Má hồng không thuốc mà say », khách làng chơi đã vì cô ta mà xiêu lòng tổn kém, rút cục chỉ được cô ta tặng nụ cười hoa nở đưa người, tiếng nói êm đềm, lạnh lót, dịu ngọt mà thôi.

Cô tính dịu dàng, nghiêm chỉnh, nhà đủ ăn. Anh hãy đến nhà cô, cô ân cần tiếp rước, rồi hút chưa tàn điếu thuốc, ở nhà dưới đã bưng lên hoặc gà hoặc vịt... là đồ nhắm mặn nồng với bầu rượu thơm tho... Cô dịu dàng tiếp chuyện làm cho anh mê say, đắm sắc, rồi lần sau, tự mình không muốn, chân cứ đưa đi.

Khi ông Lượng muốn tới trêu cô và định cho cô một mẻ cho biết mặt kẻ làng thơ, cô đã đành tử tế hết sức...

Khi uống rượu rồi, ngà ngà say, rượu vào thơ ra, ông Lượng liền ngâm một bài, thơ rằng :

Phận gái xuân xanh dặng mấy thì,
Buồng không gối lạnh tội-tình chi !
Tiết phu nghĩa phụ bao giờ gặp,
Đá tạc vàng bia đã mấy khi !
Ở giữa trần gian khôn niệm phật,
Ra ngồi thành thị khó từ bi !
Kén lựa sao khỏi tơ hồng buộc,
Tinh liệu sao thời tinh liệu đi !

Cô Phượng liền họa :

Mười hai bến nước dẽ mấy thì,
Nỡ dẽ màn loan lạnh lẽo chi !
Gái sắc giai tài duyên may gặp,
Màn loan gối phụng cũng còn khi !
Giữ tấm lòng son ghi vàng đá,
Há nơi thành thị chẳng từ bi !
Tơ hồng nguyệt lão xe duyên trước,
Gởi tỏ tình nhân phải bỏ đi !

Hai bài thơ trên, nghĩ trong lúc ngẫu hứng, ứng khẩu lệ-làng mà được như thế, tưởng cũng là tuyệt-tác lắm vậy !

Đêm đã khuya, ông Lượng đành nghỉ lại mà trong lòng then thuồng hết sức. Sáng tờ mờ dáy, liền xách ô đi, không kịp chào biệt.

ĐÀI-NAM

T. B. Ký-giả viết bài này xong thì được tin cô Phượng đã kết duyên cùng một thầy giáo thôn quê, sự kết duyên này cô ta đã bị lừa.

男
女
須
起

■ NAM NỮ TU TRI ■

||| là quyển sách rất cần
cho các gia đình . . .

AI SẮP LẤY VỢ, LẤY CHỒNG !

VỢ CHỒNG MỚI CƯỚI.

VỢ CHỒNG ĐÃ LẤY NHAU TỪ LÂU.

===== AI NẤY =====

đều phải có quyển này

Giá 0\$25 — cước 0\$06

Bán ở ĐÔNG ÁY ÁN QUÁN
193, Phố hàng Bông — Hanoi

Dépôt légal
Triage 1/100 ex.
Hanoi le 2/1/35

LIBRAIRIE ĐÔNG-TÂY, 193, Rue du Coton, HANOI

LECTURES LITTÉRAIRES SUR L'INDOCHINE

par EUGÈNE PUJARNISCLE ET DUONG QUANG HAM
 Professeurs au Lycée du Protectorat à Hanoi

*Ouvrage adopté par la Commission
 des Manuels scolaires*

Un volume 15,5 × 21, 272 pages. . . . 1\$20 — Port 0\$22

« Je viens de recevoir vos **Lectures littéraires sur l'Indochine** et je vous en adresse mes meilleurs compliments.

Cette anthologie constitue, en effet, un excellent instrument de travail scolaire et je suis persuadé que votre ouvrage est appelé à rendre les meilleurs services à l'enseignement ».

Pierre PASQUIER, Gouverneur Général de l'Indochine

« Je reçois votre livre si aimablement dédié. Vous y avez fait une bien belle place à ma si modeste collaboration... Comme vos lectures sont intéressantes et instructives. Mes meilleurs compliments et mes sentiments très dévoués ».

Maréchal LYAUTEY

«... Des livres comme le vôtre font honneur à l'Indochine et à la vieille civilisation indochinoise et à l'union féconde de l'Indochine et de la France ».

Claude FARRÈRE

« Tous mes remerciements et mes compliments pour les **Lectures littéraires** qui sont un modèle d'en-

seignement, de littérature, d'histoire le plus propre à ouvrir et à nourrir de jeunes esprits ».

Jean AJALBERT

« Je suis enchanté de figurer dans votre anthologie si parfaitement composée. Elle est venue m'apporter jusqu'ici les parfums de cette Indochine dont j'ai la nostalgie ».

René SCHWOB

«... Le livre de M.M. Pujarniscle et Ham est pour ainsi dire parfait. Tous deux, membres de l'enseignement, ils ont su tirer des textes tout le sens et tout le fruit, faisant ainsi profiter leurs élèves de beautés et de leçons qu'ils n'auraient probablement pas senties seuls... »

Paul MUNIER (*France Indochine*, 14 Septembre 1929)

«... On peut dire que, dans leur sélection, est représentée toute l'élite française qui s'est occupée de l'Indochine; que rien n'a été laissé dans l'oubli et que les Annamites peuvent concevoir un juste orgueil en lisant l'espèce de palmarès dressé là en leur honneur... »

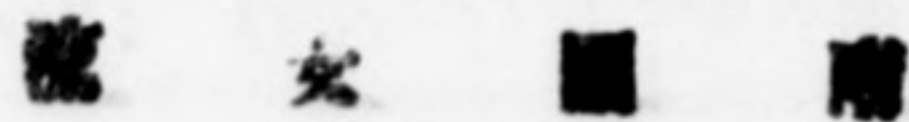
Albert de POUVOURVILLE (*La Dépêche Coloniale*)

«... Les **Lectures littéraires sur l'Indochine** n'intéresseront pas seulement les élèves de notre enseignement franco indigène. Elles pourront être lues également par tous ceux que notre littérature coloniale ne laisse pas indifférents. Ils y trouveront, en effet, les meilleures pages des auteurs français qui ont écrit sur l'Indochine et même de quelques auteurs annamites qui trouvent une place honorable dans le recueil à côté des noms universellement connus ».

(*Bulletin général de l'Instruction publique*, Mai 1929)

Các bà
 Các cô
 nhớ coi
 QUYỀN

NAM QUỐC NỮ LƯU



CỦA ĐÔNG
 SỞ - CUỒNG LE - DU

X

86 trang Giá 0\$15 Cước 0,06

Mua một quyền gửi bằng
 timbres postes nhớ thêm 0\$06
 tiền cước cũng được cho :

ĐÔNG - TÂY ẤN - QUÁN
 193, phố hàng Bông, 193
 HANOI